

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÓM CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MẠ Ở HUYỆN ĐẠ TÊH, TỈNH LÂM ĐỒNG

*Honda Mamoru**

Văn hoá-xã hội là một trong những lãnh vực được nhiều người quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là về tổ chức xã hội và hệ thống thân tộc. Đây là những vấn đề mà các nhà dân tộc học, xã hội học thường hay đặt ra khi nghiên cứu về tính cố kết và sự hình thành của một cộng đồng tộc người. Trong báo cáo này, chúng tôi muốn đề cập đến quá trình hình thành của một nhóm cộng đồng tộc người, cụ thể là dân tộc Mạ.

Dân tộc Mạ là một trong những dân tộc ít người ở Việt Nam, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer, có dân số khoảng 30.000 người. Hiện nay, tập trung sinh sống chủ yếu ở các huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Bảo Lâm, thuộc thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Mặc dù là một dân tộc có dân số không đông lắm, nhưng dân tộc này đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm, đặc biệt không thể không kể đến nhà dân tộc học, xã hội học người Pháp Jean Boullbet. Qua công trình nghiên cứu của ông đã được công bố vào năm 1967 bởi EFEO, với nhan đề: “*Pay des Maa, Domaine des genies Ngaar Maa, Ngaar Yaang*”, cho thấy Jean Boullbet đã bỏ khá nhiều công sức để sưu tầm những gia phả “*Cau kuang*”, dựng lại lịch sử và hệ thống thân tộc của người Mạ. Trong đó, ông đã đưa ra những lời nhận xét cho rằng, mặc dù dân tộc Mạ có gia phả theo dòng tộc phụ hệ, nhưng khi giải quyết vấn đề thừa hưởng đất đai thì không nhất thiết chịu chi phối bởi dòng phụ hệ, mà chủ yếu dựa trên cơ sở quan hệ huyết thống cả hai phía cha và mẹ⁽¹⁾. Nhưng rất tiếc từ đó đến nay chưa thấy một ai quan tâm đến việc nghiên cứu gia phả và hệ thống thân tộc Mạ, cho nên chưa có một ý kiến mới nào hơn.

Mãi đến sau những năm 1975, việc nghiên cứu dân tộc Mạ mới bắt đầu có sự quan tâm trở lại. Trong số đó, có thể kể đến công trình hợp tác nghiên cứu của Sở Văn hoá tỉnh Lâm Đồng và Viện khoa học xã hội nhân văn tại thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ) qua quyển sách *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*⁽²⁾. Đây là đề tài thú vị, có nhiều vấn đề liên quan đến dân tộc Mạ, nhưng phần lớn chủ yếu quan tâm đến các vấn đề phong trào

* Tiến sĩ, Đại học Tokyo. Nhật Bản.

đấu tranh⁽³⁾, biến đổi dân số⁽⁴⁾, biến đổi xã hội⁽⁵⁾ và vấn đề đất đai⁽⁶⁾ của các dân tộc ít người ở Lâm Đồng.

Chính vì vậy, trong thời gian vừa qua (từ năm 2000 đến 2002), chúng tôi chọn đề tài này để nghiên cứu. Nội dung của báo cáo này là một phần kết quả của sự hợp tác nghiên cứu của trường Đại học Tokyo và trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

I. ĐỊA BÀN PHÂN BỐ DÂN SỐ VÀ NGUỒN GỐC DÂN CƯ

1. Phân bố dân cư và dân số

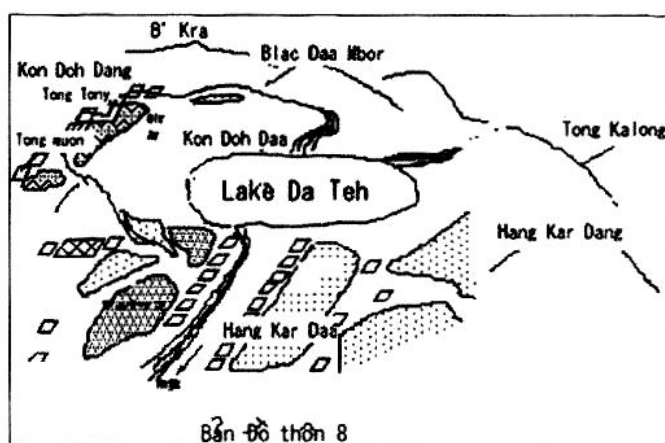
Theo số liệu của Tổng cục Địa chính (1999), toàn bộ dân số ở tỉnh Lâm Đồng có khoảng 899.230 người, với tổng diện tích toàn tỉnh là 9.755,95 km². Trong đó, dân số của huyện Đà Têh⁽⁷⁾ chiếm 40.849 người, với tổng diện tích toàn huyện là 523,70km². Hiện nay, huyện Đà Têh chia ra làm 9 xã: Triệu Hải, Quảng Trị, Mỹ Đức, Quốc Oai, Hà Đông, Đa Kho, An Nhơn, Hương Lâm và Đa Lây⁽⁸⁾.

Trong báo cáo này, tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu trong phạm vi thôn 8, xã Mỹ Đức. Vì đây là nơi có dân tộc Mạ cư trú chiếm đa số (99%) và còn giữ gìn nhiều văn hoá truyền thống.

Theo số liệu thống kê của UBND xã Mỹ Đức năm 2000, toàn xã có 746 hộ, 3.415 nhân khẩu, với tổng diện tích là 103,60 km². Trong đó, dân tộc Mạ chiếm 83 hộ, 381 nhân khẩu, hầu hết tập trung sinh sống chủ yếu ở thôn 8.

2. Nguồn gốc dân cư

Theo một số người lớn tuổi dân tộc Mạ ở thôn 8⁽⁹⁾ cho biết, trước năm 1963, ở vùng núi xung quanh thôn 8 có nhiều *boon*: *Kon Doh Dăng*, *Kon Doh Daa*, *B'kra*, *Blac Daa Mbor*, *Hang kar Dang*, *Hang kar Daa*. Nhưng do chính sách dồn dân vào ấp chiến lược (1963) trong thời kỳ chế độ Mỹ-ngụy đã gây nên sự biến động lớn về mặt phân bố dân cư, dân số nơi đây. Nhiều thành viên thuộc các *boon* khác nhau bị dồn chung vào ấp chiến lược, cho nên một bộ phận của những thành viên ở các *boon* phải rời bỏ nơi cư trú gốc của mình để theo cách mạng.



Sau 1975, những thành viên các *boon* trở về quê gốc xây dựng lại các *boon* và tiếp tục canh tác nương rẫy. Hai năm sau (1977), nhờ sự vận động của chính sách định canh định cư, cư dân ở các *boon* lại chuyển đến cư trú

tại xã Lộc Trung (hiện nay là thị trấn Đa Tễh) để làm ruộng. Đến năm 1981, chính quyền huyện tiến hành xây dựng hồ chứa nước Đa Tễh⁽¹⁰⁾, một bộ phận dân tộc Mạ bán đất ruộng hoặc uỷ thác cho chính quyền và trở về quê làm rẫy trở lại.

Năm 1990, chính quyền kêu gọi dân tộc Mạ xuống núi định cư ở thị trấn Đa Tễh và khuyến khích trở lại làm ruộng. Nhưng vì lý do đã bán hết ruộng đất, nên chỉ có một số người xuống núi. Những người này tập trung sinh sống gần hồ chứa nước Đa Tễh và thành lập một đơn vị xã hội tương ứng với một đơn vị thôn gọi là thôn 8 của dân tộc Mạ hay còn gọi là *buôn Con Đỏ*.

Hiện nay, thôn 8 chia ra làm 3 nhóm cư trú: trên núi 16 hộ, sau hồ Đa Tễh 3 hộ, trước hồ Đa Tễh 64 hộ. Trong đó có 25 hộ đăng ký tham gia kinh tế mới *Tong Kalong* do Ủy ban nhân dân huyện phát động.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC XÃ HỘI CỦA DÂN TỘC MẠ QUA TRƯỜNG HỢP THÔN 8

Trước đây, dân tộc Mạ sinh sống tập trung thành từng đơn vị cư trú gọi là *boon*. Đây là đơn vị cư trú huyết thống bao gồm cả khu vực đất đai canh tác. Mỗi đơn vị cư trú này là một dòng họ, trong đó, chia thành nhiều chi họ gọi là *nao*⁽¹¹⁾. Mỗi *nao* đều có phần đất đai của mình để canh tác do *cau kuang boon* phân chia⁽¹²⁾.

Ngày nay, đơn vị cư trú của dân tộc Mạ không còn được thiết lập theo huyết thống nữa mà đã bị phân hoá theo đơn vị cư trú mới do Nhà nước thành lập. Trong đó, thôn 8 là một trường hợp điển hình.

Thôn 8 là một tổ chức đơn vị cư trú hành chính được hình thành từ 6 *boon*⁽¹³⁾: *Kon Doh Daa* (6 hộ), *Kon Doh Dăng* (31 hộ), *Hăng Kar Dăng* (9 hộ), *Hăng Kar Daa* (9 hộ), *Blác Daa Mbor* (6 hộ). Theo gia phả lưu truyền bằng miệng (20 đời), *Kon Doh Daa* có quan hệ họ hàng với *Kon Doh Dăng*, còn *Hăng Kar Daa* có quan hệ họ hàng với *Hăng Kar Dăng*. Mỗi tổ chức lưỡng hợp này đều có cùng một tổ tiên với nhau được thể hiện thông qua việc phân chia đất đai từ người anh ruột sang em trai ruột. Riêng *boon Kon Doh Dăng*, qua việc khảo sát trên thực địa, chúng tôi đã phát hiện thêm hai loại hình tổ chức cư trú theo nhóm. Đó là nhóm cư trú *Tong Tony* và nhóm cư trú *Tong Muong* ở núi Đang Kră.

Mpool Tong Tony là một tổ chức cư trú theo nhóm. Hầu hết các thành viên của nhóm cư trú *mpool* này đều là những người thuộc *Boon Kon Doh Dăng* (Sơ đồ 1, phần Phụ lục). Còn *Mpool Tong Muon* cũng là một tổ chức cư trú theo nhóm nhưng có một số thành viên không phải là người *Kon Doh Dăng*. Trong trường hợp này, mặc dù một số thành viên của *Mpool* là người ở *boon* khác nhưng cũng được gọi là *cau kuang*. Đây là một tổ chức xã hội mang tính đặc thù của người Mạ ở đây.

III. SỰ HÌNH THÀNH NHÓM CỘNG ĐỒNG THEO GIA PHẢ CAU KUANG BOON (XEM SƠ ĐỒ 2, PHẦN PHỤ LỤC)

Cho đến nay, những người lớn tuổi trong cộng đồng người Mạ vẫn còn ghi nhớ những gia phả 20 đời theo phương pháp truyền miệng. Cơ sở để ghi nhớ gia phả một cách chính xác theo người Mạ là dựa trên mối quan hệ giữa các *cau kuang boon*. Nguyên tắc của gia phả này là không tính theo mối quan hệ của dòng họ (descent) mà tính theo mối quan hệ họ hàng (kindred).

Vì vậy, sau khi thực hiện chính sách định canh định cư, mọi đất đai phân chia theo gia phả truyền thống của *cau kuang boon* hoàn toàn bị xáo trộn. Đất đai canh tác các *boon* hầu như không còn nữa. Duy chỉ có *boon Kon Doh Dăng* còn duy trì phần nào đất đai của mình. Do đó, các thành viên ở ngoài *boon Kon Doh Dăng* yêu cầu phân chia đất đai theo gia phả của các *cau kuang*. Để thực hiện theo yêu cầu này, *cau kuang boon Kon Doh Dăng* đã phân chia đất đai ở thôn 8 theo nguyên tắc của gia phả các *cau kuang boon* có quan hệ họ hàng (kindred) với *cau kuang*.

Để giải thích rõ hơn về điều trên, chúng tôi đã được người già giải thích như sau: "*Cau kuang boon - Kon Doh Daa, Blac Daa Mbor, B'Kră* là những người không có quan hệ thân thuộc với nhau nhưng lại cùng chung một gia phả, vì vậy, những người này có quyền yêu cầu đất đai canh tác thuộc *boon Kon Doh Dăng*". Ví dụ: K'Pou phải chia đất đai cho mẹ của *cau kuang boon Blac Daa Mbor*, mặc dù hiện nay người này đã đi lấy chồng và đã thuộc *Blac Daa Mbor*. Điều này được giải thích một cách rõ ràng bởi người già *boon Kon Doh Dăng*⁽¹⁴⁾: Mẹ của *cau kuang boon Blac Daa Mbor* là cháu gái của chị em họ của K'Pou, có nghĩa là giữa *cau kuang boon* và K'Pou chỉ có mối quan hệ họ hàng (kindred) với nhau mà thôi chứ không phải là mối quan hệ dòng họ (descent). Mối quan hệ này được thể hiện thông qua 5 thành viên đứng làm trung gian kết nối họ hàng theo dòng máu thân thuộc với mẹ đối với *cau kuang boon* và phía cha đối với K'Pou.

IV. SỰ HÌNH THÀNH NHÓM CỘNG ĐỒNG THEO MỐI QUAN HỆ THÂN THÍCH

Trường hợp 6 gia đình thuộc nhóm cộng đồng *Mpool Tong Muon*: Hai gia đình thuộc *boon B'Kră (a,b)*, ba gia đình thuộc *boon Kon Doh Dăng (d,e,f)*, một gia đình thuộc *boon Blac Daa Mbor (c)*.

Mpool Tong Muon là nhóm cư trú theo cộng đồng bao gồm các thành viên thuộc 3 *boon* khác nhau (*boon B'Kră, boon Kon Doh Dăng* và *boon Blac Daa Mbor*), nhưng lại được quyền canh tác đất đai của *Kon Doh Dăng*. Để giải thích trường hợp này, chúng tôi đưa ra một số trường hợp cụ thể như sau:

Trường hợp 1

Bản thân K'Pep thuộc *boon Kon Doh Dăng*, còn vợ K'Pep thì lại thuộc *boon B'Kră*. Nếu xét về nguyên tắc chung giữa 2 *boon* khác nhau không được sử dụng

canh tác đất đai của đôi bên. Nhưng vì *boon B'Kră* có mối quan hệ thân thích với *boon Kon Doh Dăng* (thành viên của *boon B'Kră* có quan hệ hôn nhân với thành viên *boon Kon Doh Dăng*) nên người của *boon B'Kră* được quyền sử dụng và canh tác đất đai của *boon Kon Doh Dăng*. Vì vậy, khi tiến hành những nghi lễ liên quan đến đất đai canh tác, thì người của *boon Kon Doh Dăng* (d) có thể đại diện cho *cau kuang boon Kon Doh Dăng* cùng thực hiện lễ nghi với *cau kuang B'Kră*.

Trường hợp 2

Trong mối quan hệ thân thích giữa *boon Kon Doh Dăng* và *boon B'Kră* còn thể hiện thêm 2 trường hợp cụ thể của người *boon Kon Doh Dăng* (f,e) thiết lập mối quan hệ hôn nhân với 2 thành viên thuộc *boon B'Kră*. Trong đó, có một trường hợp là hôn nhân anh chị em họ chéo (e) - hôn nhân con cô cậu (cross-cousin).

Trường hợp 3

Ngoài ra, cũng có 2 trường hợp của người *boon B'Kră* (a, b) thiết lập mối quan hệ hôn nhân với 2 thành viên thuộc *boon Kon Doh Dăng*. Trong đó, có một trường hợp là hôn nhân anh chị em họ chéo (b) - hôn nhân con cô con cậu (cross-cousin) như trường hợp 2.

Qua việc cùng chung canh tác đất đai dựa trên mối quan hệ thân thích đã hình thành nên những nhóm cộng đồng gọi là Mpool.

KẾT LUẬN

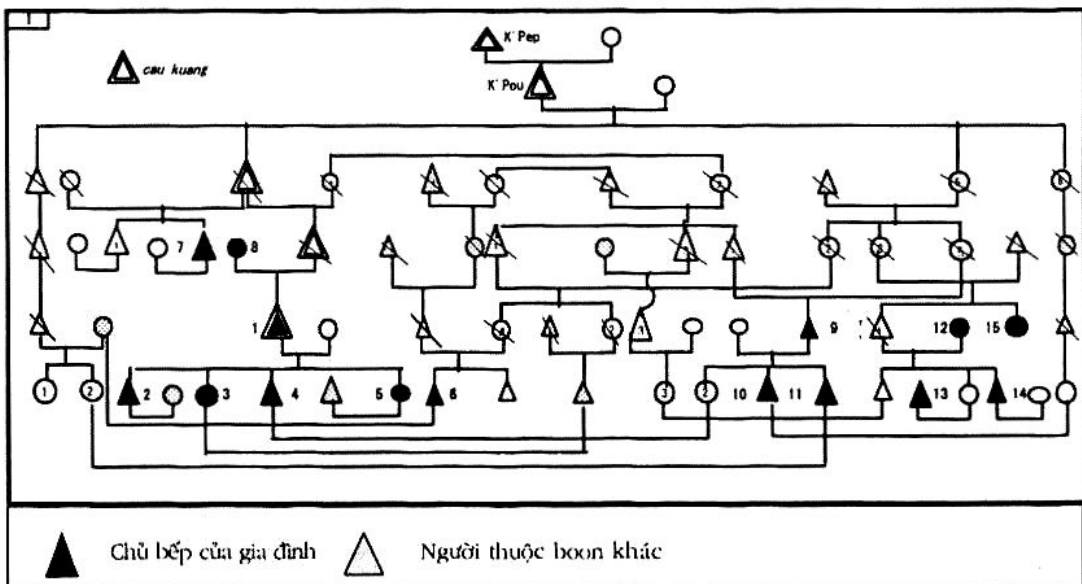
Để hình thành một nhóm cư trú, dân tộc Mạ thường căn cứ trên sự cố kết cộng đồng qua mối quan hệ thân thuộc theo dòng của *cau kuang*. Nhưng tùy theo điều kiện tự nhiên thuận lợi hay không thuận lợi, đất đai dư thừa hay thiếu thốn hoặc cạn kiệt mà hình thành nhóm cộng đồng cư trú theo từng trường hợp quan hệ khác nhau với *cau kuang* khác. Thêm nữa, theo phong tục của tộc người Mạ, mỗi thành viên đều có những cơ hội khác nhau để thực hiện phong tục tập quán theo phụ hệ. Sau khi đã có sự quyết định hôn nhân giữa hai bên nhà trai và gái, người chồng phải sang cư trú bên nhà gái trong một thời gian nhất định. Nhưng nếu *cau kuang* của nhà gái cho phép tiếp tục cư trú bên nhà người vợ lâu dài hơn thì người chồng có thể tiếp tục hoặc không tiếp tục tùy theo sự quyết định của đương sự. Những trường hợp đã trình bày trong báo cáo này chỉ một trong những đặc trưng của chế độ phụ hệ của người Mạ thể hiện qua mối quan hệ về đất đai đã xảy ra trong thực tế.

Hiện nay, người Mạ vẫn giữ dấu vết đặc trưng này. Đặc biệt đối với cộng đồng người Mạ thôn 8 tham gia kinh tế mới ở *Tong kalong*⁽¹⁵⁾ đều có mối quan hệ thân

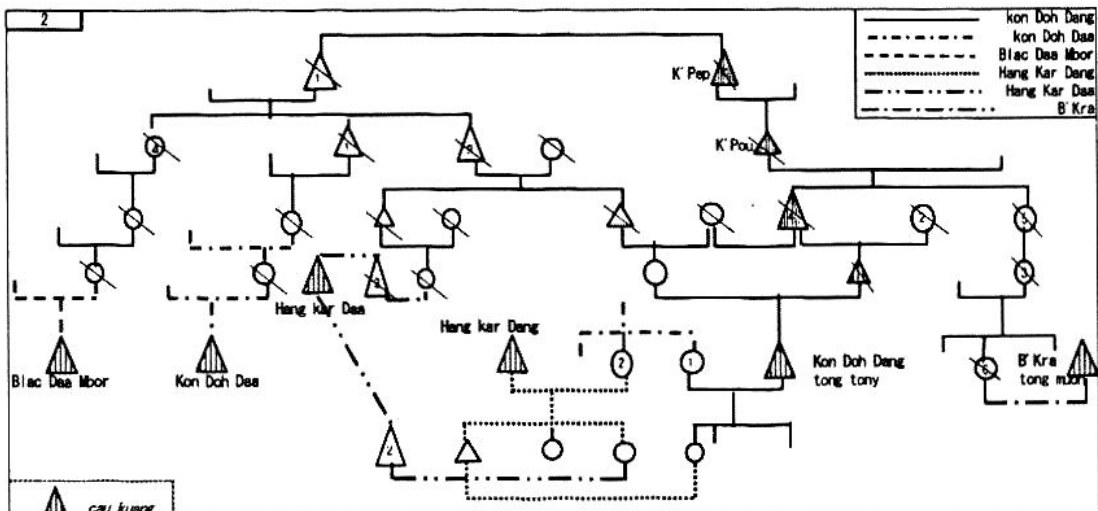
thuộc với những người có tổ tiên đã từng sinh sống ở *Tong Kalong* trước đây. Họ quan niệm cho rằng, nếu những ai không có mối quan hệ huyết thống thân tộc với người đã từng ở *Tong Kalong* thì không tham gia vùng kinh tế mới⁽¹⁶⁾. Điều này có thể lấy trường hợp của người có tổ tiên sinh sống ở *Kon Doh Dăng* làm thí dụ. Vì vậy, qua những cuộc khảo sát chúng tôi cho thấy, hầu hết những người ở *Kon Doh Dăng* không tham gia kinh tế mới *Tong kalong* vì không mối quan hệ thân thuộc ở đây.

PHỤ LỤC

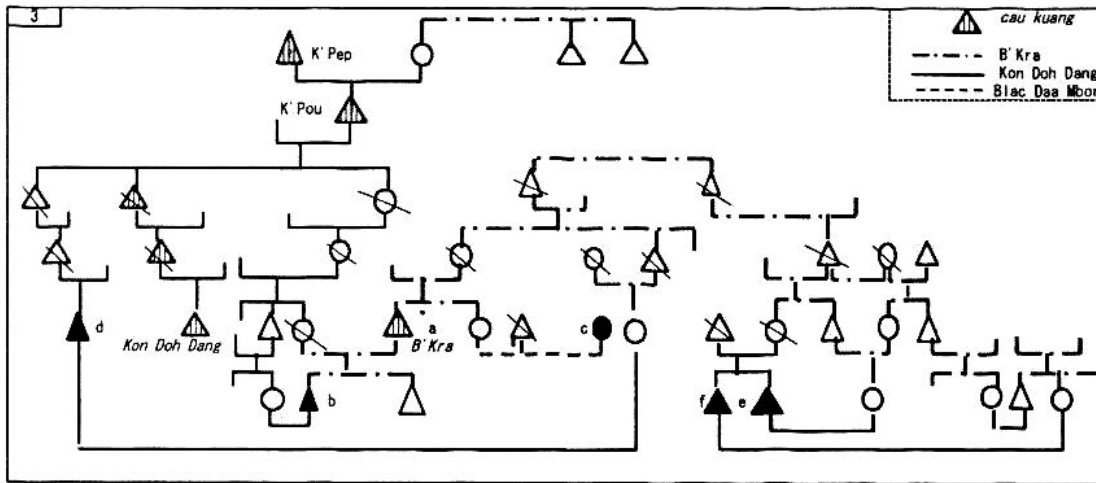
Sơ đồ 1: Mối quan hệ giữa người tong tony



Sơ đồ 2: Mối quan hệ giữa các cau kuang buôn



Sơ đồ 3: Môi quan hệ giữa chủ nhà (màu đen) và *tong muon*



CHÚ THÍCH

1. Boullbet sưu tầm và phân tích nhiều gia phả của *Cau kuang* và viết về lịch sử dân tộc Mạ. Trong gia phả *Cau kuang* có một số con gái. Theo phong tục Mạ, nếu *Cau Kuang* không có con trai thừa kế chỉ có con gái thì *Cau Kuang* chọn một con trai dòng họ *Cau Kuang* khác và làm con rể con gái mình để giữ gìn dòng họ. Boullbet J. 1967, tr. 93-100.
2. Mạc Đường chủ biên, 1983, *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Nxb Sở Văn hoá tỉnh Lâm Đồng.
3. Nguyễn Văn Diệu, *Lịch sử phong trào đấu tranh chống đế quốc của các dân tộc ít người ở tỉnh Lâm Đồng*.
4. Mạc Đường, *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sđd.
5. Nguyễn Văn Diệu, *Vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng dân tộc Lâm Đồng dưới thời Mỹ-ngụy*.
6. Mạc Đường - Trần Văn Chi, *Những quá trình biến đổi kinh tế địa phương ở vùng dân tộc Lâm Đồng*. Mạc Đường, *Quá trình phát triển dân tộc và những biến đổi xã hội ở Lâm Đồng trong lịch sử*.
7. Boullbet đã đi địa bàn Đa Tễh. Nhưng địa bàn chủ yếu là cao nguyên Blao (Boullbet 1967, tr. 193 - 194).
8. Đầu năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện đã lập một xã mới tên là Đa Pal cho khu vực kinh tế mới.
9. Sinh năm 1944 (kể vào tháng 7-2001), sinh năm 1919 (kể 8-2000), sinh năm 1953 (kể 11-2001), sinh năm 1923 (kể 6-2002).
10. Mạc Đường - Trần Văn Chi, Sđd, tr. 116.
11. *Nao* là dòng. Theo Boullbet, *nao* có hai loại; *nao kuang*, *nao koon*. Tất cả *cau kuang* thuộc dòng lớn (*nao kuang*). Còn *nao koon* là dòng họ nhỏ với phả hệ gần gũi hoặc bị đứt, rẽ ra nhiều dòng khó theo dõi và sự duy trì không được bảo đảm nghiêm ngặt (Boullbet, 1976 tr. 106). Nếu trong một *boon* có những *nao kuang* thì mỗi *nao kuang* có đất đai.
12. Mọi thành viên trong một *boon* của người Mạ đều chịu sự quản lý và chi phối bởi *cau kuang* thuộc dòng lớn (*nao kuang*) (Boullbet, 1976, tr. 82).
13. Theo những người già ở thôn 8, sinh năm 1919 (kể 8/2000) sinh năm 1953 (kể 11-2001) sinh năm 1923 (kể 6-2002).
14. Sinh năm 1944 (kể 7-2001).
15. Năm 2000, Ủy ban huyện Đa Tễh có triển khai dự án ở khu vực kinh tế mới thuộc xã Triệu Hải. Sản phẩm chủ yếu của dự án này là cây cà phê. Trước đây, ở khu vực này có một *boon* tên là *Tong kalong*. Nhưng sau năm 1975, do chính sách định canh định cư, người Mạ tại đây đã thực hiện di dời đến sinh sống ở khu vực khác, nên khi đến nghiên cứu ở *Tong kalong* không còn một ai sinh sống ở đây nữa.
16. Sinh năm 1964 (kể từ 7-2000), sinh năm 1965 (kể từ 6-2002).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- | | | |
|---------------------------------|------|--|
| Mạc Đường | 1983 | <i>Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng</i> , Nxb. Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng. |
| Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam | 1986 | <i>Một số vấn đề kinh tế - xã hội Tây Nguyên</i> , Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội |
| Việt Dân tộc học | 1984 | <i>Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)</i> , Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. |
| Việt Dân tộc học | 1984 | <i>Góp phần nghiên cứu bản lĩnh bản sắc các dân tộc ở Việt Nam</i> , Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. |
| Boulbet, Jean | 1957 | Quelques Aspects du coutumier (N'dri) des Cau Maa., <i>Bulletin duela Société des Études Indochinoises Tome XXXII, No2</i> , Saigon. |
| | 1967 | <i>Pays des Maa, Domaine des genies. Ngar Maa. Ngar Yaang EFEO Paris.</i> |
| (dịch Đỗ Văn Anh) | 1999 | Xứ người Mạ - Lãnh thổ của thần linh <i>Ngar Maa. Ngar Yaang</i> Nxb. Đồng Nai. |
| Freeman, J.D | 1961 | On the concept of the Kindred, <i>Journal of the royal anthropological Institute</i> 91: tr. 192-220. |
| Goodenough, W. H | 1955 | A Problem in Malayo-Polynesian Social Organization. <i>American Anthropologist</i> , vol. 57: tr. 71-83. |
| Hickey, G.C. | 1982 | <i>Free in the forest - ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands, 1954.</i> |
| Leach, E.R | 1962 | On certain unconsidered aspects of double descent systems, <i>Man</i> 62: tr. 5-9. |
| Lebar, Frank M | 1964 | <i>Ethnic Groups of Mainland Southeast Asia</i> , Human Relations area files Press New Haven. |